TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2022
V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Đặng Huy Du.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh NVS, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị LTT, sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT ở Việt Nam: Thôn 4, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú hiện tại ở nước ngoài: D; Cộng hòa Pháp; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh NVS trình bày:

Năm 2007, anh NVS và chị LTT kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và được Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn vào năm 2016. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 271 ngày 14/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã tuyên giao con chung là cháu E, sinh ngày 30/7/2007 cho anh NVS được nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay do điều kiện nuôi cháu E của anh NVS không bằng chị LTT, cháu E có nguyện vọng ở với chị LTT, nên đảm bảo việc cuộc sống của con chung anh NVS và chị LTT thỏa thuận, thống nhất thay đổi

người trực tiếp nuôi con: Giao con chung cháu E cho chị LTT nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản trình bày ý kiến của bị đơn gửi cho Tòa án, chị LTT trình bày: Chị đang ở nước ngoài, chị thống nhất về lời trình bày của anh NVS. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị LTT trực tiếp nuôi cháu E vì hiện tại anh NVS không có điều kiện chăm sóc con chung bằng chị LTT.

Tại phiên tòa, anh NVS và chị LTT đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh chị giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không có sự thay đổi nội dung nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, hiện tại bị đơn chị LTT đang sinh sống tại Pháp, nguyên đơn anh NVS đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 3 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh NVS và bị đơn chị LTT đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh NVS và chị LTT.

- Về nội dung:

[3] Xét nội dung đơn khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của nguyên đơn anh NVS: Việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả anh NVS và chị LTT. Sau khi ly hôn, anh NVS đã chăm sóc cháu E. Tuy nhiên, hiện nay anh NVS không có điều kiện chăm sóc con chung bằng chị LTT. Mặt khác, cháu E có nguyện vọng được ở với mẹ là chị LTT. Vì vậy, anh NVS và chị LTT đều thống nhất giao con chung cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng. Chính vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định cả về thể chất, tinh thần của cháu E, theo nguyện vọng của cả anh NVS và chị LTT: Giao cháu E cho chị LTT nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh NVS và chị LTT xin tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của anh NVS được chấp nhận nên chị LTT phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên,

anh NVS xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị LTT. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh NVS tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị LTT là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Giao con chung là E, sinh ngày 30/7/2007 cho chị LTT nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh NVS và chị LTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh NVS tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0000642 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh NVS đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh NVS được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

- Chị LTT được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Bình